TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2017/HSST
Ngày 29 tháng 8 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phùng Thị Tố Uyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chung và ông Nguyễn Thế Lực

Thư ký phiên toà: Ông Lê Minh Hoàng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2017/HSST ngày 24 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Lê Khương H, sinh ngày 15/8/1998; trú tại: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; con ông Lê Khương D, sinh năm 1977 và bà Lê Thị H, sinh năm 1979; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không; Tại bản án số 82/2017/HSST ngày 05 tháng 7 năm 2017 Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bắc Ninh xử phạt Lê Khương H 32 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Ngày 10 tháng 8 năm 2017 H đi chấp hành hình phạt tù của bản án số 82/2017/HSST ngày 05 tháng 7 năm 2017; theo Quyết định thi hành án phạt tù số: 100/2017/QĐ-CA của Chánh án Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bắc Ninh. Thi hành án phạt 32 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2017 (Có mặt).

Người bị hại: Anh Lê Quang L, sinh năm 1987; trú tại: Thôn T, xã C, huyện T, tỉnh P (Có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Vũ Văn M, sinh năm 1995; trú tại: Thôn C, thị trấn T, huyện T, tỉnh P (Vắng mặt).

- Anh Phạm Dương C, sinh năm 1992; trú tại: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh P (Vắng mặt).

- Anh Hà Văn L, sinh năm 1985; trú tại: Thôn V, xã K, huyện T, tỉnh P (Vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Lê Khương H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 7 giờ ngày 04/10/2016, Lê Khương H đang ngồi chơi tại quán internet của chị Lê Thị Thanh N, sinh năm 1993 ở thôn L, xã C, huyện T, tỉnh P thì có anh Lê Quang L điều khiển chiếc xe mô tô BKS 88L1- 070.66 đến quán internet của chị N để chơi điện tử. Tại đây, khi anh L đang ngồi chơi điện tử thì H đi đến hỏi anh L cho mượn chiếc xe mô tô BKS 88L1- 070.66 để về nhà thay quần áo, anh L đồng ý và đưa cho H chìa khóa xe mô tô. H điều khiển chiếc xe mô tô BKS 88L1- 070.66 về nhà thay quần áo xong và lấy 01 bộ quần áo của mình cho vào cốp xe để đi làm ở tỉnh N. Khi H mở cốp xe mô tô ra thì thấy bên trong cốp xe có để giấy đăng ký xe mô tô BKS 88L1- 070.66 mang tên Lê Quang L (là giấy đăng ký của chiếc xe mô tô mà H đang mượn của anh L). Lúc này, H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 88L1- 070.66 của anh L để đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. H gọi điện thoại cho anh Vũ Văn M, sinh năm 1995, trú tại thị trấn T, huyện T, tỉnh P nhờ M bán giúp chiếc xe mô tô BKS 88L1- 070.66, anh M đồng ý và hẹn gặp tại quán nước gần cổng Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện T ở thị trấn T, huyện T. H điều khiển chiếc xe mô tô BKS 88L1- 070.66 đến địa điểm đã hẹn thì gặp anh M và anh Đỗ Văn S, sinh năm 1992, trú tại thị trấn T (bạn anh M). H nói với anh M "Anh xem có chỗ nào cắm hay bán giúp em chiếc xe này", anh M hỏi H chiếc xe này của ai, H nói "Chiếc xe này là của em, do em mua lại của chú em ở xã T" và H đưa cho M xem chiếc đăng ký xe. Sau đó, anh M gọi điện thoại cho anh Phạm Dương C nhờ anh C đi bán giúp chiếc xe mô tô đó, anh C đồng ý và hẹn đến trưa gọi lại cho anh. Trong thời gian ngồi chờ anh C thì anh M đã mượn của H 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5 để cầm cắm lấy tiền tiêu sài cá nhân thì H đồng ý. Sau đó anh M đã đem chiếc điện thoại của H đi cầm cắm, sau khi cắm xong thì M quay lại gặp H và anh S. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày anh C đi đến thị trấn T để gặp anh M và H. Anh C hỏi H về nguồn gốc chiếc xe mô tô BKS 88L1- 070.66 thì H nói chiếc xe mô tô này là do H mua lại của anh L đồng thời H đưa giấy đăng ký xe cho anh C xem. Anh C hỏi H giấy tờ mua bán đâu thì H trả lời vì mua của người nhà nên không viết giấy mua bán. Sau khi xem xong thì anh C bảo H viết cho một giấy bán xe cho anh C để anh C đi bán giúp. Sau khi H viết giấy bán chiếc xe mô tô BKS 88L1 – 070.66 cho anh C thì anh C và anh M đem chiếc xe mô tô BKS 88L1 – 070.66 đến bán cho anh Hà Văn L, sinh năm 1985, trú tại xã K, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc với giá 7.800.000 đồng. Anh L đưa cho anh

C 6.800.000 đồng, anh C cầm tiền rồi đưa cho anh M cầm về đưa lại cho H. Ngày 06/10/2016, anh C đến nhà anh L để lấy nốt số tiền 1.000.000 đồng còn thiếu và giữ lại là tiền lãi từ việc bán giúp chiếc xe. Sau khi có được số tiền 6.800.000 đồng thì H đưa cho anh M 3.500.000 đồng để đi chuộc lại chiếc điện thoại di động Iphone 5 mà anh M đã đem đi cầm cắm của H trước đó, số tiền còn lại 3.300.000 đồng thì H cùng anh M, anh C và anh S ăn tiêu hết.

Sau khi cho Lê Khương H mượn chiếc xe mô tô BKS 88L1- 070.66 và không thấy H trả lại xe, anh Lê Quang L đã nhiều lần đến nhà ở của H để đòi lại chiếc xe mô tô trên nhưng H không có mặt ở nhà, vắng mặt tại địa phương và cũng không liên lạc được với H. Do vậy, ngày 24/02/2017, anh L đã trình báo sự việc bị mất xe đến Công an xã C, huyện T. Cùng ngày Công an xã C báo cáo sự việc đến Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngay sau khi tiếp nhận tin báo, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh P đã tiến hành các hoạt động điều tra theo quy định pháp luật và tạm giữ số tiền 1.000.000đ do Phạm Dương C tự nguyện giao nộp.

Quá trình điều tra xác định được: Sau khi mua chiếc xe mô tô BKS 88L1 – 070.66, anh Hà Văn L đã sửa chữa lại và tháng 10/2016 anh L bán chiếc xe đó cho anh Lã Văn C- sinh năm 1967 trú tại Thôn B, xã N, huyện T, tỉnh P. Sau đó anh Lã Văn C đã bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88L1-070.66 cho một người không quen biết ở thành phố Hà Nội. Do vậy đến nay cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T chưa thu giữ được chiếc xe mô tô nêu trên.

Ngày 31/3/2017, Cơ quan điều tra đã Trưng cầu hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T định giá để xác định giá trị 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88L1-070.66 do Lê Khương H chiếm đoạt của anh Lê Quang L là bao nhiêu tiền.

Ngày 10/4/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T có bản kết luận định giá, kết luận: chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88L1 – 070.66 trị giá là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra xác định được ngày 28/02/2017, Lê Khương H phạm tội "Cố ý gây thương tích" tại xã D, D, tỉnh N. Ngày 16/3/2017, Cơ quan điều tra Công an huyện D, tỉnh N đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với H. Ngày 05 tháng 7 năm 2017 Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh N xử phạt Lê Khương H 32 tháng tù, thời hạn tù tình từ ngày 16/3/2017 về tội "Cố ý gây thương tích". Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh N theo Quyết định thi hành án số 100/2017/QĐ – CA ngày 10 tháng 8 năm 2017.

Tại phiên tòa Lê Khương H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu ở trên.

Tại cáo trạng số 44/KSĐT - KT ngày 21/7/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường truy tố Lê Khương H về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, tính chất nghiêm trọng của vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Khương H phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Khương H từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Lê Khương H.

Áp dụng Điều 50, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án này với bản án số 82/2017/HSST ngày 05/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bắc Ninh, buộc bị cáo Lê Khương H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án với mức án từ 47 tháng tù đến 50 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2017.

Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, 589, 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho anh Lê Quang L 1.000.000đồng.

Buộc Lê Khương H phải bồi thường thiệt hại giá trị tài sản cho anh Lê Quang L số tiền 7.500.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và không có lời tự bào chữa nào khác. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án từ đó có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 7 giờ ngày 04/10/2016, tại quán internet của nhà chị Lê Thị Thanh N ở thôn L, xã C, huyện T, tỉnh P, Lê Khương H hỏi mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88L1- 070.66 của anh Lê Quang L để đi về nhà thay quần áo, anh L đồng ý. H điều khiển chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88L1-070.66 của anh L về nhà thay quần áo xong và lấy 01 bộ quần áo của mình

cho vào cốp xe để đi làm. Khi H mở cốp xe mô tô ra thì thấy bên trong cốp xe có để giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 88L1- 070.66 mang tên Lê Quang L. Lúc này, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh L đem bán lấy tiền. H đã gọi điện thoại nhờ Vũ Văn M bán giúp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88L1- 070.66, M đồng ý. Sau đó M đã nhờ Phạm Dương C bán giúp xe mô tô cho anh Hà Văn L với giá 7.800.000 đồng. Anh L trả cho C 6.800.000 đồng, C cầm tiền rồi đưa cho M cầm về đưa lại cho H. Ngày 06/10/2016, C đến nhà anh L để lấy nốt số tiền 1.000.000 đồng còn thiếu và giữ lại là tiền lãi từ việc bán giúp chiếc xe. Sau khi có được số tiền 6.800.000đồng thì H cùng M, C và anh S ăn tiêu hết. Tại kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88L1 – 070.66 trị giá là 8.500.000đồng. Hành vi nêu trên của H đã cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" tội phạm và hình phạt được qui định tại điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự qui định:

"1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc…, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ban năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản."

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Hành vi đó của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy cần xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo là một thanh niên tuổi đời còn trẻ, có hiểu biết nhất định về pháp luật nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân để trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, để có tiền ăn chơi thỏa mãn cho nhu cầu của bản thân ngày 04/10/2016 bị cáo đã mượn xe mô tô của anh Lê Quang L, sau khi mượn xe đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản sau đó đem bán lấy tiền chi tiêu cho bản thân dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù, tương xứng với tính chất mức độ về hành vi mà bị cáo đã thực hiện để bị cáo cải tạo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét đến tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo đó là: Thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; tại phiên tòa người bị

hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Ngày 28/02/2017, Lê Khương H phạm tội "Cố ý gây thương tích" tại xã D, huyện D, tỉnh N. Ngày 05 tháng 7 năm 2017 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh N xử phạt Lê Khương H 32 tháng tù, thời hạn tù tình từ ngày 16/3/2017 về tội "Cố ý gây thương tích". Hiện H đang chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh N theo Quyết định thi hành án số 100/2017/QĐ – CA ngày 10 tháng 8 năm 2017. Do vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Lê Khương H.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại và bị cáo thỏa thuận: Bị cáo có trách nhiệm bồi thường trị giá chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88L1-070.66 cho anh L là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) và bị cáo đề nghị trả số tiền 1.000.000đồng cho anh L và anh L đồng ý (số tiền này do Phạm Dương C nộp tại Cơ quan điều tra trả lại cho bị cáo H). Xét thấy sự thỏa thuận giữa các bên là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh L số tiền 8.500.000đồng trừ số tiền 1.000.000đồng; bị cáo còn phải bồi thường cho anh L số tiền 7.500.000đồng. Trả lại cho anh L số tiền 1.000.000đồng.

Đối với Vũ Văn M quá trình điều tra Cơ quan điều tra triệu tập làm việc được với M một lần, sau đó tiếp tục triệu tập nhiều lần nhưng M không có mặt ở địa phương nên không điều tra làm rõ được, tiếp tục điều tra khi nào làm rõ xử lý sau.

Anh Đỗ Văn S biết việc H nhờ anh Vũ Văn M và anh Phạm Dương C đi bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88L1- 070.66; anh C là người đi bán hộ H chiếc xe mô tô trên nhưng anh C và anh S không biết chiếc xe mô tô đó là do H phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh C và anh S.

Đối với anh Hà Văn L và anh Lã Văn C là người mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88L1 – 070.66, quá trình điều tra xác định anh L và anh C không biết chiếc xe mô tô này là do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh L và anh C.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Khương H phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 50; khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Khương H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp với 32 (ba mươi hai) tháng tù tại bản án số 82/2017/HSST ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh N. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 3 (ba) năm 11 (mười một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16 tháng 3 năm 2017.

Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 357, 584, 585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 76, Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Khương H phải bồi thường cho anh Lê Quang L số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, anh L có đơn yêu cầu thi hành án; Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

Trả cho anh Lê Quang L số tiền 1.000.000đồng (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Vĩnh Tường và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường lập ngày 25/7/2017).

Bị cáo Lê Khương H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 375.000đ (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự trong án hình sự.

Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Trại tạm giam;
- THADS huyện T;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP, THAHS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Tố Uyên